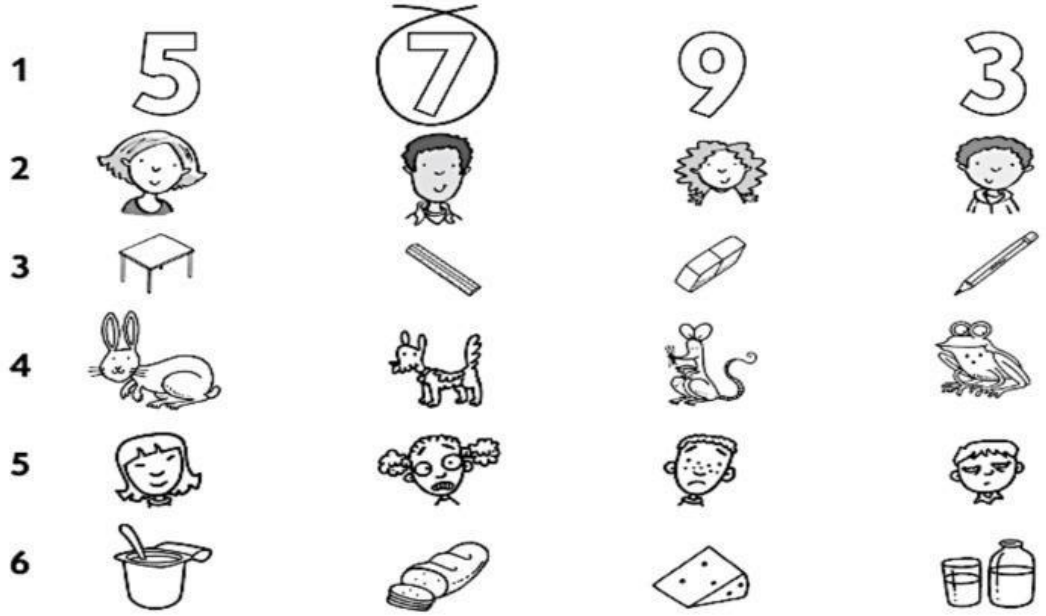
Full name: ……

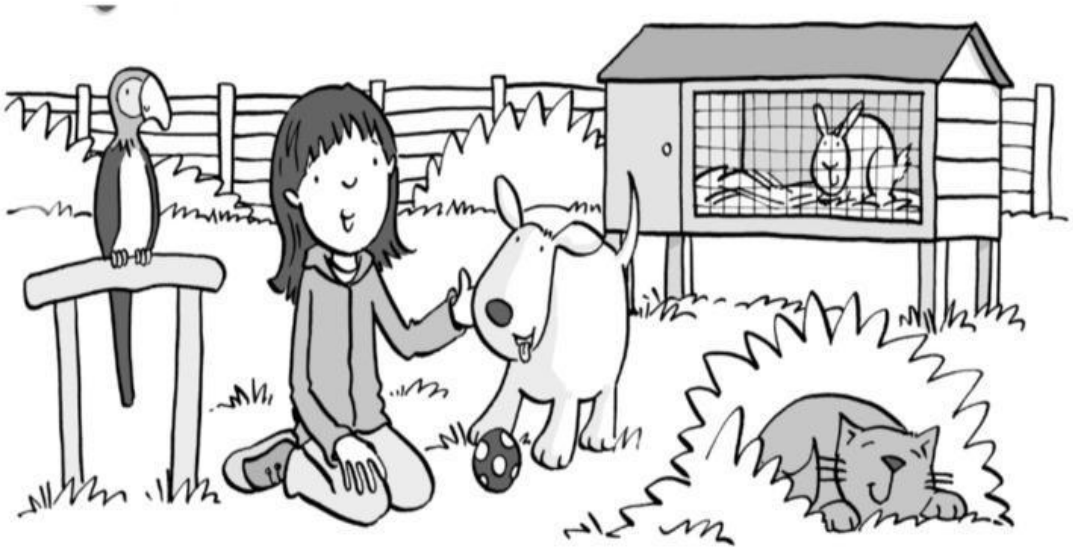
Class: ……

ENGLISH DISCOVERY 1- SEMESTER 2 REVISION

Task 1: Listen and circle – Nghe và khoanh tròn.



Task 2: Listen and tick or cross – Nghe và điền 'v' hoặc 'x'.



1 ✓ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐

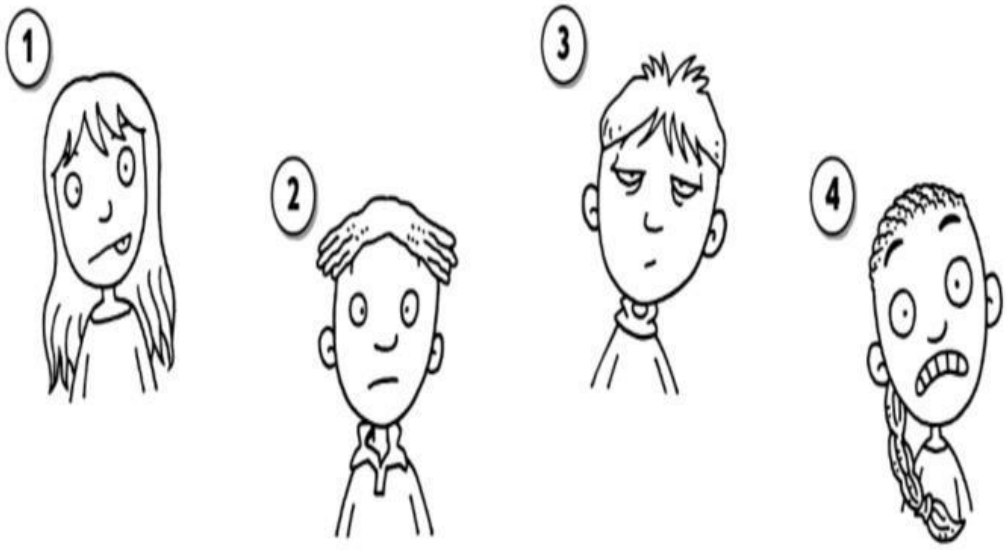
LIVEWORKSHEETS

Task 3: Listen and tick or cross – Nghe và điền 'v' hoặc 'x'.

	fruit	fish	milk
John 	✓	✗	✓
Alice 			
Bill 			
Amy 			
Tom 			

Task 4: Listen and match– Nghe và nối.

He's tired. She's thirsty. She's scared He's sad

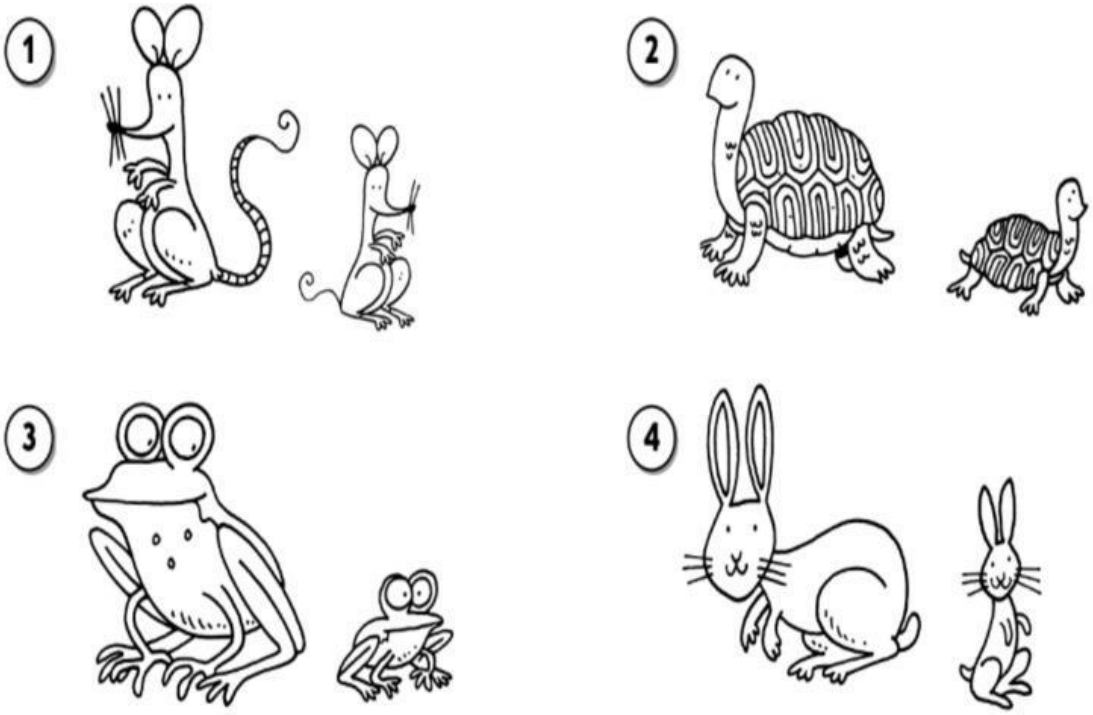


LIVEWORKSHEETS

Task 5: Listen and number – Nghe và điền số.



Task 6: Listen, find and color – Nghe, tìm và tô màu.



LIVEWORKSHEETS

II. READING AND WRITING

Task 1: Read and write the missing letters – Đọc và viết chữ cái còn thiếu



I like egg__



I like sala__



I don't like ba__an__



I like h__t do__



I like c__ic__e__

Task 2: Read and write – Đọc và viết

tortoise	parrot	chocolate	milk



Is it a dog?

No, it is a……



What is this?

It's a .....



What do you like?

I like …….



What do you like?

I like …….

LIVEWORKSHEETS

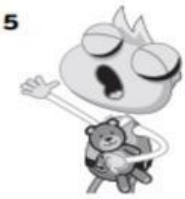
Task 3: Read and tick (v) or cross (x) – Đọc và điền (v) hoặc (x)

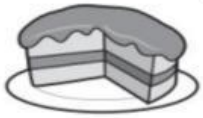
1  ☑ tortoise

2  ☒ kitchen

3  ☐ yoghurt

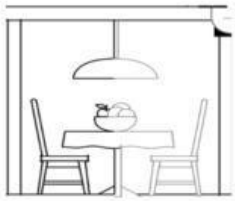
4  ☐ mouse

5  ☐ house

6  ☐ bedroom

Task 4: Read and match – Đọc và nối

1. 

2. 

3. 

4. 

a. I like bread

b. This is the bedroom

c. I like yoghurt

d. This is the dining room

LIVEWORKSHEETS

Task 5: Read and write – Đọc và viết

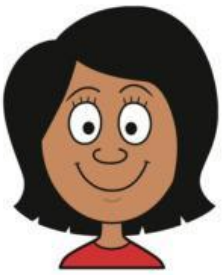
Fruit **Happy** **Cheese** **Salad** **Hungry** **Dining room** **Kitchen**
Thirsty **Rabbit** **Door** **Yoghurt** **Living room**



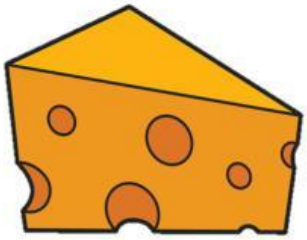
1 _____



2 _____



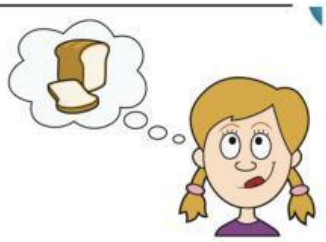
3 _____



4 _____



5 _____



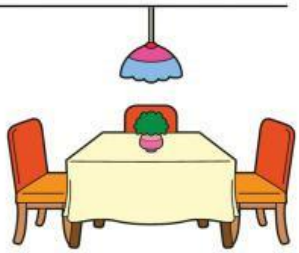
6 _____



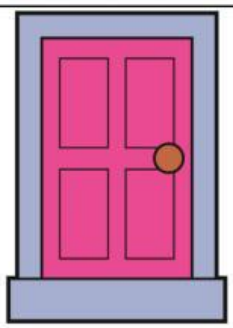
7 _____



8 _____



9 _____



10 _____



11 _____



12 _____

LIVEWORKSHEETS

Task 6: Read and circle – Đọc và khoanh tròn

① 

I like *bread/ salad*

② 

I don't like *cake/ jelly*

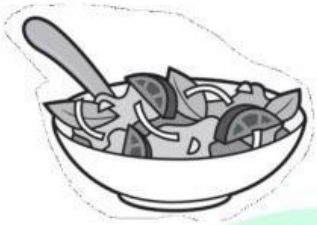
③ 

I like *honey/ yoghurt*

④ 

This is the *kitchen/ dining room*

Task 7: Choose the correct answer – Chọn câu trả lời đúng



1. I **like / don't like** salad.



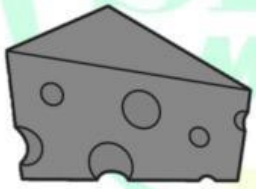
2. I **like / don't like** cake.



3. I **like / don't like** milk.



4. I **like / don't like** fish.



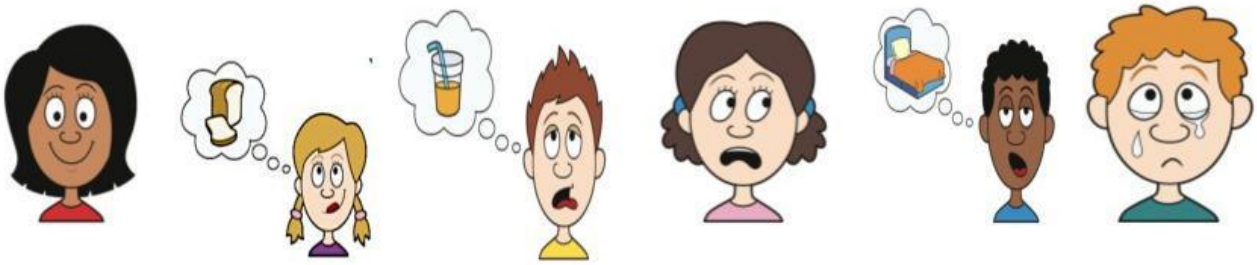
5. I **like / don't like** cheese.



6. I **like / don't like** bread.

LIVEWORKSHEETS

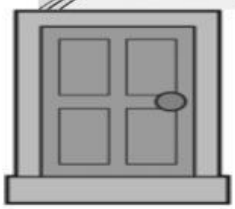
Task 8: Match – Nối



scared **happy** **hungry** **tired** **thirsty** **sad**

Task 9: Read and circle Yes or No – Đọc và khoanh tròn Yes hoặc No

1. This is a bedroom.  Yes No

2. This is a door.  Yes No

3. This is a living room.  Yes No

4. This is a kitchen.  Yes No

5. This is a window.  Yes No

LIVEWORKSHEETS